

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2017/HSST

Ngày 15/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ - TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Nghi.

Nghề nghiệp: Cán bộ

Đơn vị: Đảng ủy xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

2. Bà Nông Thị Nhung.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Đơn vị: Huyện đoàn Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tà Chải, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Toà án nhân dân huyện Bắc Hà xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 13/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Giàng A C.

Sinh ngày 01/01/1997 tại xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

ĐKNKTT: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không.

Con ông: Giàng A S - sinh năm 1973 và bà Ly Thị C - sinh năm 1974.

Đều trú tại thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Vợ, con: chưa có.

Bị cáo có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2017. Hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện Bắc Hà. Có mặt.

2. Thào A G.

Sinh ngày 11 tháng 4 năm 1997 tại xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

ĐKNKTT: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 9/12;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không.
Con ông: Thào A P - sinh năm 1952 và bà Giàng Thị G - sinh năm 1956.
Đều trú tại: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;
Vợ, con: Chưa có.

Bị cáo có 09 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 08 trong gia đình.

Tiền án; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2017. Hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện Bắc Hà. Có mặt.

3. Giàng A T.

Sinh ngày 01/01/2000 - Sinh tại xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

ĐKNKTT: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7 /12;

Con ông: Giàng A S - sinh năm 1959 và bà Cư Thị S sinh năm 1964.

Đều trú tại thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Vợ, con: Chưa có.

Bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình.

Tiền án; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2017 đến ngày 08/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, theo quyết định số 03 ngày 08/9/2107 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà.

Hiện đang tại ngoại tại thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T là ông Giàng A S – sinh năm 1959 (Là bố đẻ bị cáo) có mặt.

Người bào chữa: Cho 03 bị cáo Giàng A C, Thào A G, Giàng A Th là Bà Lê Họa T - Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Người bị hại: Anh Phạm Văn T - Sinh năm 1985.

Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 13h ngày 10/05/2017, Giàng A C chở Thào A G bằng chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu vàng của C (Không có biển số) từ phòng trọ thuộc đường S, Phường C, thành phố L vào thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai mục đích để trộm cắp tài sản. Trên đường đi C nói với G quan sát hai bên đường xem có chiếc xe mô tô nào chìa khóa cắm ở xe mà không có người trông coi thì trộm cắp. Khoảng 20h cùng ngày C phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S màu đen xám, biển kiểm soát

19P1-02775 của anh Phạm Văn T sinh năm 1985, trú tại TDP N, thị trấn B để ở trước cửa nhà, vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện. C bảo G trộm cắp chiếc xe trên, G đi vào chỗ để xe, ngồi lên yên xe, thấy không có ai để ý, G mở khóa điện, nổ máy xe đi về phòng trọ ở thành phố L. Khi G và C về đến phòng trọ thì có Thào A L và Giàng A T là người ở cùng phòng trọ, L hỏi G về nguồn gốc chiếc xe, G nói “*Trộm được trên huyện B*”, L nói “*Xe trộm cắp thì đừng về đây ngủ*” và đưa cho C 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) để đi ngủ ở chỗ khác. C và G ra nhà nghỉ thuộc khu vực ngã 6 thành phố L ngủ. sáng ngày 11/05/2017 C cùng G mang xe trộm cắp được lên thị trấn S, huyện P, tỉnh Lào Cai bán nhưng không bán được xe vì xe không có giấy tờ. Sáng ngày 12/05/2017 G có việc đi về huyện S, trước khi về G nói với C nếu không bán được thì đem trả lại xe cho họ. Qua trò chuyện biết Giàng A T có chứng minh nhân dân, nên khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày C rủ T đi bán xe trộm cắp được, T đồng ý. C chở T bằng chiếc xe trộm cắp được đến bán cho anh Hoàng Văn Đ sinh năm 1981, trú tại số nhà 060, đường N, tổ 24, phường K, thành phố L với giá 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Sau khi bán được xe C và T về phòng trọ và tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11 ngày 29/05/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Hà kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô BKS 19P1-02775 có trị giá là: 10.200.000 đồng (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*)

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà giữ nguyên nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo: Giàng A C và Thào A G phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Giàng A T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm b, g, p, o khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt Giàng A C từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt Thào A G từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60; Điều 68; khoản 1,5 Điều 69; Điều 71; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự: Xử phạt Giàng A T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về vật chứng: Gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S màu đen xám, biển số 19P1-02775 trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho người bị hại là phù hợp.

Người bào chữa cho các bị cáo Giàng A C, Thào A G, Giàng A T: sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ trong vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ. Người bào chữa cho rằng cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà truy tố 02 bị cáo C và G về tội “trộm cắp tài sản” và Bị cáo T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo các điều, khoản đã viện dẫn là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm b, g, p, o khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt Giàng A C 06 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 và khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt Thào A G 06 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự: Xử phạt Giàng A T 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Giàng A C, Thào A G khai do muốn có tiền tiêu sai các bị cáo đã nảy sinh ý định đi vào huyện B người dân thường hay để xe mô tô hai bên đường, lợi dụng sơ hở chủ sở hữu tài sản để trộm cắp. Khoảng 20 giờ ngày 10/5/2017 các bị cáo đã trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S màu đen xám, biển kiểm soát 19P1-02775 (Xe vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện) của anh Phạm Văn T để ở hè đường trước cửa nhà tại tổ dân phố N, thị trấn B.

Sau khi trộm cắp được xe hai bị cáo đem đến huyện P tiêu thụ, do xe không có giấy tờ nên không bán được. Ngày 12/5/2017 biết Giàng A T có giấy chứng minh nhân dân nên C rủ T đi bán xe và bị cáo T đã giao dịch bán chiếc xe trên cho anh Hoàng Văn Đ được 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) C và T cùng nhau tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô của người bị hại, có trị giá là: 10.200.000 đồng, do hai bị cáo Giàng A C và Thào A G là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và bị cáo Giàng A T là người không có hứa hẹn trước, mà biết chiếc xe mô tô là tài sản do trộm cắp mà có, đã đứng ra giao dịch giúp bị cáo C bán chiếc để lấy tiền tiêu sài, đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà đã truy tố.

Còn đối với Thào A L là người ở cùng phòng với các bị cáo biết các bị cáo trộm cắp xe nhưng không ngăn cản và tố giác với cơ quan chức năng. Hiện nay L không có mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ, nên để xác minh rõ giải quyết sau. Hoàng Văn Đ, trú tại tổ dân phố 24 phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai là người đã mua chiếc xe mô tô do các bị cáo trộm cắp, nhưng anh Đ không biết chiếc xe mô tô trên do các bị cáo trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Đây là vụ án đồng phạm, trước khi trộm cắp tài sản giữa các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất, không có sự phân công vai trò cụ thể, nên là đồng phạm giản đơn. Trong tội trộm cắp tài sản, bị cáo Giàng A C là người khởi sự nên C giữ vai trò chính. Bị cáo Giàng A G là người thực hành tích cực nên giữ vai trò thứ 2 trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng sâu đến trật tự, trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nên cần phải đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật và quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân từng bị cáo. Đối với bị cáo Giàng A C là người chủ mưu, dùng xe mô tô trở bị cáo G đến huyện B để trộm cắp tài sản và trước thời điểm trộm cắp tài sản ở huyện B, bị cáo C đã một mình thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô tại huyện S, tỉnh Lào Cai, hiện nay các cơ quan tiến hành tố tụng huyện S đã khởi tố và truy tố đối với bị cáo. Do vậy cần phải cách ly bị cáo C ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa tội phạm. Còn đối với các bị cáo Thảo A G và Giàng A T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, trong quá trình sinh sống tại địa phương luôn là người chấp hành tốt đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, không cần cách ly bị cáo G và bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội vẫn đủ điều kiện giáo dục đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo T khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên cần áp dụng những quy định đối với người chưa thành niên để xét xử đối với bị cáo và áp dụng khoản 1, 2 điều 60 Bộ luật hình sự cho hai bị cáo G và T được hưởng án treo.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo C được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, g, p, o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, trong quá trình điều tra đã tự khai ra hành vi trộm cắp 02 chiếc xe mô tô tại huyện S trước đó và đã kịp thời khắc phục hậu quả hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho người mua xe. Bị cáo G được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn và thành khẩn khai báo. Bị cáo T được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Vì cùng với bị cáo C khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn và thành khẩn khai báo, nên cần áp dụng Điều 47 xử phạt bị cáo T mức án dưới khung hình phạt.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 và khoản 5 điều 250 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo tuổi đời còn trẻ sống phụ thuộc gia đình, nên không cần thiết phải áp dụng vẫn đủ điều kiện giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về Vật chứng: Quá trình điều tra đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S, màu đen xám, biển số 19P1-02775 cho người bị hại là anh Phạm Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Phạm Văn T đã nhận lại chiếc xe mô tô bị trộm cắp, còn nguyên vẹn anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác; người có quyền lợi liên quan anh Hoàng Văn Đ đã được các bị cáo hoàn trả đầy đủ số tiền anh mua xe, anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Do vậy không đề cập giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 1,2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Giàng A C, Thào A G, Giàng A T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/Tuyên bố 02 bị cáo Giàng A C, Thào A G phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo Giàng A T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p, o Khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53 Bộ luật hình sự. Phạt Giàng A C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt 22 tháng 8 năm 2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Phạt Thào A G 07(bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(Một) năm 02 (Hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; khoản 1, 2 Điều 60; Điều 68; khoản 1, 5 Điều 69; Điều 71; khoản 1 Điều 74 Điều Bộ luật hình sự. Phạt Giàng A T 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao hai bị cáo Giàng A T và Thào A G cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

2/ Về án phí:

- Áp dụng khoản 1,2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Giàng A C, Thào A G, Giàng A T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng)

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh; huyện.
- THAHS;
- CCTHADS;
- Các bị cáo; người bào chữa;
- CA huyện Bắc Hà;
- Trại giam;
- Người bị hại;
- STP;
- Lưu HS, TA, VP;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Ngô Đức Quang

